TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 09/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tháo và bà Long Thị Thịnh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2018/TLST-HS, ngày 27 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1996, tại xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Triệu Thị L; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2018 đến nay (có mặt).

2. Hoàng Văn P, sinh ngày 29 tháng 02 năm 1994, tại xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; HKTT: thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Hà Thị H; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2018 đến nay (có mặt).

- Bị hại:

+ Anh Hoàng Quang V, sinh ngày 03/01/2000; trú tại: thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

+ Anh Nông Văn T, sinh ngày 05/01/2002; trú tại: thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị hại (anh Nông Văn T): Ông Nông Văn C, sinh năm 1976; trú tại: thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1965, (có mặt).

+ Bà Hà Thị H, sinh năm1966, (có mặt).

Đều có HKTT: thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969, (có mặt).

Trú tại: thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 31/01/2018, Hoàng Văn P có gặp Nguyễn Văn L, trong lúc cả hai trên đường đến nhà Nguyễn Văn L, L đã rủ P ngày hôm sau cùng đi đám cưới tại nhà ông Nông Văn T thuộc thôn C, xã Đ, huyện N xem có chiếc xe mô tô nào thì lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài, P nói với L để P suy nghĩ. Đến khoảng 19 giờ ngày 01/02/2018, L cùng P và Lý Văn D (là người cùng thôn với L, P) đến nhà ông Nông Văn T để dự đám cưới, khi đi cả ba người cùng đi trên chiếc xe mô tô BKS 97F8-0004 (xe thuộc sở hữu của P). Khi đến nơi cả ba người cùng ngồi ăn cơm, uống rượu tại đám cưới, đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì mọi người ăn xong và rủ nhau đi về. Trước khi về L có rủ D, P và anh Bàn Việt H (nhà ở xã Q, huyện N) về nhà L chơi, khi ra đến cổng thì D và H cùng đi một xe mô tô về trước, còn P dắt xe của mình ra và đợi L, lúc này P thấy anh Th đi từ trong đám cưới đi ra có biểu hiện say rượu, P đến và dìu Th đi lên đường chính. Khi L ra đến cổng thì thấy ở đó có 7 đến 8 chiếc xe mô tô và ít người qua lại, L tiến lại gần 01 chiếc xe và dùng tay luồn vào trong mặt nạ của xe tháo một giắc điện, lúc này P quay lại và nhìn thấy L đang tháo giắc điện của chiếc xe, P đi lấy chiếc xe của mình, còn L nổ máy xe trộm cắp và cả hai đi về phía xã Q, huyện N. Đi được khoảng 01km thì L đỗ lại, lúc đó P cũng đi đến nơi, P và L dùng ánh đèn xe của P soi kiểm tra chiếc xe vừa trộm cắp thì biết đó là chiếc xe nhãn hiệu Detech, màu xanh, hai vành đúc màu đen, không có gương chiếu hậu, không có biển kiểm soát, L nói với P "lấy phải chiếc xe tàu rồi, thôi chót lấy rồi thì lấy đi luôn". Sau đó L tiếp tục điều khiển chiếc xe trộm cắp được, P điều khiển xe của mình đi về phía xã Q. Khi về đến cách nhà L khoảng 50m, L đi vào một đường rẽ, cách đường nhựa khoảng 20 m và cất giấu xe tại đó, còn P đứng ngoài đường đợi. Cất xe xong L ra gặp Phi và nói với P "quay lại xem có cái nào lấy được nữa không thì lấy, xong đi Thái Nguyên luôn" P nói "đi thì đi", sau đó P đèo L bằng xe của P quay lại đám cưới. Đi đến khu vực cầu Cốc Lào thì P, L để xe tại đó rồi hai người đi bộ vào vị trí chiếc xe lúc trước đã lấy trộm, thấy không có người trông coi, L cùng P hộ nhau dắt và đẩy 01 chiếc xe mô tô BKS 97B1-697.40 đang dựng ở đó đi ra một đoạn rồi dừng lại, L rút 01 giắc điện ở mặt nạ xe ra và đạp cần đề xe nhưng xe không nổ máy, L và P tiếp tục đẩy xe ra đến gần chỗ để xe của P, L tiếp tục rút thêm 02 giắc điện dưới mặt nạ xe và đạp cần đề xe nhưng xe vẫn không nổ máy, L nói với P "con này không được đâu, đi về đi", cả hai người bỏ xe lại đó, P đèo L bằng xe của mình về nhà L. Tại nhà L, P và L lấy xăng từ chiếc xe của P và xe nhà L đổ vào

chiếc xe vừa trộm cắp được, khi đổ xăng xe L phát hiện trong cốp xe mô tô vừa trộm cắp được có 01 biển số xe nhưng L không để ý số bao nhiêu, sau đó L và P cùng nhau điều khiển xe trộm cắp được đi Thái Nguyên để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 02 giờ ngày 02/02/2018 L và P đi đến thành phố Thái Nguyên, L nhắn tin hỏi vay anh Trịnh Công S (là người quen của L, quê ở huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) 40.000,đ. Sau khi vay được tiền, L và P vào quán game chơi điện tử đến 10 giờ sáng cùng ngày, sau đó L nhắn tin cho S nhờ S bán hộ chiếc xe vừa trộm cắp được. L, P và S gặp nhau ở khu vực cổng phụ Trường cao đẳng Kinh tế Thái Nguyên, S đưa L, P đến một quán mua bán xe ở đối diện cổng trường và bán chiếc xe mô tô trộm cắp được 1.000.000,đ, L, P chia nhau mỗi người 500.000,đ, sau đó L, P chơi ở thành phố Thái Nguyên 03 ngày rồi đi xe khách về nhà. Về phía anh Nông Văn T và Hoàng Quang V, sáng ngày 02/02/2018 phát hiện bị mất trộm xe đã cùng mọi người tìm kiếm thì phát hiện được chiếc xe mô tô BKS 97B1-69740 của anh V đang dựng ở sát đường nhựa trên tuyến đường xã Q đi xã Đ, cách vị trí ban đầu khoảng 01km, anh Hoàng Quang V xác nhận đúng là xe của mình nên đã nối lại các giắc điện và nổ xe đi về nhà.

Tại kết luận định giá tài sản số 06, 07 ngày 05/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Na Rì kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B1-697.40 tại thời điểm tháng 02 năm 2018 có giá trị 16.650.000,đ; chiếc xe mô tô nhãn hiệu EPSPRO Detech BKS 97AA-021.93 tại thời điểm tháng 02 năm 2018 có giá trị 11.340.000,đ.

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô L và P trộm cắp lần thứ nhất sau đó đem xuống Thái Nguyên bán là chiếc xe nhãn hiệu EPSPRO Detech BKS 97AA-021.93 thuộc sở hữu của anh Nông Văn T; chiếc xe mô tô mà L và P trộm cắp lần thứ hai nhưng đã bỏ lại ở bên đường là chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B1-697.40 thuộc sở hữu của anh Hoàng Quang V.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Văn L, Hoàng Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, đặc điểm 02 chiếc xe mô tô đã trộm cắp và số tiền bán chiếc xe có được. P cũng khai nhận chiếc xe mô tô BKS 97F8-0004 là thuộc sở hữu của P, P đã mua lại tại cơ sở sửa chữa mua bán xe máy Dũng Mạnh tại phường Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/01/2017.

Người bị hại anh Hoàng Quang V có ý kiến: chiếc xe mô tô của anh bị L, P trộm cắp nhưng bỏ lại bên đường anh đã nhận lại, anh V không yêu cầu các bị cáo L, P phải bồi thường gì thêm. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại anh Nông Văn T và người đại diện hợp pháp của anh T, ông Nông Văn C đều có ý kiến: Bị cáo L và P đã nhờ gia đình bồi thường cho anh T giá trị chiếc xe với số tiền 12.600.000,đ. Anh T và ông C không có yêu cầu gì thêm. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H và Bà Hà Thị H (bố mẹ của bị cáo P) có ý kiến: Chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA BKS 97F8-0004 mà P sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là do ông H bỏ tiền ra mua nhưng mua cho P, P có quyền sở hữu, định đoạt chiếc xe này. Việc xử lý chiếc xe máy mà P sử

dụng làm phương tiện chở L đi thực hiện hành vi phạm tội như thế nào là theo quy định của pháp luật, ông bà không có yêu cầu gì.

Đối với số tiền 12.600.000,đ mà ông B (bố L) và ông H (bố P) đã bỏ ra (mỗi người 6.300.000,đ) để bồi thường thiệt hại cho anh T. Ông B, ông H không yêu cầu bị cáo L, bị cáo P phải hoàn trả lại nên HĐXX không xem xét.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA BKS 97F8-0004; 01 chìa khóa xe; 01 đăng ký xe mô tô số 000010 mang tên Đinh Ngọc T.

Riêng chiếc xe mô tô BKS 97AA-021.93, sau khi trộm cắp được L cùng P đã đem bán tại tỉnh Thái Nguyên nhưng không rõ danh tính người mua nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSNDHNR ngày 26/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, truy tố Nguyễn Văn L và Hoàng Văn P về: "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Văn P phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo L từ 12 đến 15 tháng tù; bị cáo P từ 09 đến 12 tháng tù; về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa những người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét; về vật chứng tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA BKS 97F8-0004 kèm theo 01 chìa khóa xe, 01 đăng ký xe mô tô số 000010 (mang tên Đinh Ngọc T) là tài sản của P sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Văn P: Tại phiên tòa, các bị cáo L, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp

với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Cụ thể: Vào khoảng 19 giờ ngày 01/02/2018, L cùng P đi đến nhà ông Nông Văn T ở thôn C, xã Đ để dự đám cưới. Do có ý định từ trước nên khoảng 21 giờ 30 phút đến 22 giờ cùng ngày cả hai người rời khỏi đám cưới và lợi dụng trời tối không có ai trông coi xe mô tô của khách đến dự đám cưới dựng tại khu vực trước cổng nhà ông Nông Văn T, L và P đã trộm cắp 02 chiếc xe mô tô BKS 97AA-021.93 của anh Nông Văn T và chiếc xe mô tô BKS 97B1-697.40 của anh Hoàng Quang V. Sau đó L và P đã đem chiếc xe BKS 97AA-021.93 đi bán tại tỉnh Thái Nguyên cho một người nam giới không quen biết với giá 1.000.000,đ, L chia cho P 500.000,đ rồi tiêu sài hết. Còn chiếc xe BKS 97B1-697.40 của anh Hoàng Quang V, sau khi rút các giắc cắm điện nhưng vẫn không nổ được xe nên L, P đã bỏ lại cạnh đường cách nhà ông T khoảng 01 km, sau đó anh V cùng mọi người đi tìm xác định đúng xe của mình nên đã nối lại các giắc điện và điều khiển xe đi về nhà. Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì chiếc xe của anh Hoàng Quang V tại thời điểm mất trộm có giá trị là 16.650.000,đ; chiếc xe của anh Nông Văn T tại thời điểm mất trộm có giá trị là 11.340.000,đ, tổng giá trị của hai chiếc xe là 27.990.000,đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...".

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Nhân thân: Các bị cáo L, P không có tiền sự, tiền án, tuổi đời của các bị cáo còn rất trẻ.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tác động để nhờ gia đình đứng ra bồi thường thiệt hại cho anh T với số tiền là 12.600.000,đ; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hai người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, P phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS .

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo L từ 12 đến 15 tháng tù; bị cáo P từ 09 đến 12 tháng tù. HĐXX xét thấy, mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có tuổi đời còn rất trẻ, phạm tội do bồng bột, vì cần tiền để chơi game. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo sớm tái hòa nhập cộng đồng để tiếp tục có cơ hội học tập, lao động, sửa chữa sai lầm mà vẫn đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng đây là vụ án đồng phạm, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này mặc dù bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo P cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo P khi được L rủ thì đã đồng ý và tích cực trong quá trình thực hiện hành vi, hơn nữa bị cáo P còn sử dụng chính xe mô tô của mình để làm phương tiện trong quá trình cùng L thực hiện tội phạm, sau khi chiếm đoạt được tài sản thì cùng nhau đưa đi tiêu thụ và được chia phần tiền bằng nhau. HĐXX đánh giá hai bị cáo đều cùng nhau tích cực thực hiện hành vi phạm tội, có vai trò gần như bằng nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau. Các bị cáo còn trẻ nhưng do ham chơi, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, lười lao động nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều (04) tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, xét thấy cần tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa sai sầm, tiếp tục được tái hòa nhập cộng đồng, được tiếp tục học tập, lao động. Vì vậy, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt tù thấp nhất, buộc các bị cáo cải tạo tập trung một thời gian có như vậy mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Cả hai bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại là anh V có ý kiến, chiếc xe mô tô của anh V bị chiếm đoạt sau đó đã tìm lại được và không có thiệt hại gì, anh V cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự; Người bị hại anh Nông Văn T và người đại diện hợp pháp của anh T là ông C trình bày chiếc xe mô tô BKS 97AA-021.93 bị chiếm đoạt và không tìm lại được nhưng gia đình các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 12.600.000,đ, nên không có yêu cầu gì thêm, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA BKS 97F8-0004; 01 chìa khóa xe; 01 đăng ký xe mô tô số 000010 mang tên Đinh Ngọc T thuộc sở hữu của Hoàng Văn P do Phi sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

[8]. Các vấn đề khác: Trong vụ án này Nguyễn Văn L và Hoàng Văn P còn khai nhận ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên ra, ngày 03/3/2018 L cùng P còn có hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình anh Nông Triệu Q trú tại thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Hành vi này của L và P đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì tách ra để xem xét trong một vụ việc khác và ngày 15/6/2018 đã có kết luận không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do vậy, không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với Trịnh Công S (người quen của Nguyễn Văn L) là người đã giúp L và P bán chiếc xe mô tô mà L, P đã trộm cắp được. Tuy nhiên, L và P không biết rõ họ, tên đầy đủ của S, cũng không biết cụ thể nơi S cư trú. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành lấy lời khai của S được. Mặt khác L, P cũng khai nhận khi S giúp bán chiếc xe mô tô đó, S không hề biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có, S cũng không được chia tiền từ việc bán chiếc xe. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với S.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Văn P phạm "Tội trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt:

+ Nguyễn Văn L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2018.

+ Hoàng Văn P 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2018.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh V, anh T và người đại diện hợp pháp của người bị hại anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA BKS 97F8-0004 kèm theo 01 chìa khóa xe; 01 đăng ký xe mô tô số 000010 mang tên Đinh Ngọc T thuộc sở hữu của Hoàng Văn P.

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2018 giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Na Rì với Chi cục thi hành dân sự

huyện Na Rì).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc Nguyễn Văn L và Hoàng Văn P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong bản trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện(02b);
-VKSND tỉnh (01b);
-TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(02b);
- Bị hại, Người đại diện (02b);
- Người có QLNVLQ (03b);
- THA dân sự(01b);
-THA hình sự(01b);
-Hồ sơ CA huyện(01b);
-Sở Tư pháp tỉnh (01b);
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Bình